

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

Dự thảo lần 3

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo
nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: HĐND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá triển Giáo dục và Đào tạo;

- Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao;

- Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Kế hoạch số 278-KH/TU ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh;

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014;

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;

- Quyết định số 401/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng Không Quốc tế Long Thành;

- Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không;

- Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp;

- Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2024-2026, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 278-KH/TU ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản số 1351/CHK-TCCB ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Cục Hàng không Việt Nam về việc cung cấp số liệu dự báo nhu cầu nhân sự và lao động phục vụ xây dựng và khai thác Dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành giai đoạn 1 cho địa phương;

- Văn bản số 3620/TCTCHKVN-CBKTLT ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam về phúc đáp đề nghị phối hợp cung cấp thông tin tuyển dụng tại Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành đi vào hoạt động.

2. Cơ sở thực tiễn.

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế Đông Nam Bộ là tỉnh có truyền thống và luôn đi đầu về phát triển lĩnh vực công nghiệp đóng góp vào sự phát triển cho vùng Đông Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Đặc biệt, sự hình thành và phát triển Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành với ưu thế về vị trí và khả năng kết nối chiến lược với các tỉnh thành trong vùng Đông Nam Bộ và các khu vực đô thị năng động khác, đang tạo ra một cơ hội lớn thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ nhiều lĩnh vực mới ở tỉnh Đồng Nai như Logistics, kinh doanh thương mại, bán lẻ, du lịch, nhà hàng - khách sạn, dịch vụ bất động sản, văn phòng cho thuê.... Như vậy, Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành khi đi vào vận hành năm 2026 không chỉ mở ra một bước ngoặt mới cho ngành hàng không Việt Nam, mà còn là dấu mốc lịch sử quan trọng cho nền kinh tế của tỉnh Đồng Nai. Với sự kỳ vọng hình thành khu thương mại tự do, một nền kinh tế mới, đô thị sân bay,... Đồng Nai đang đứng trước cơ hội lớn để hoà nhập và kết nối sâu rộng với nền kinh tế sản xuất công nghiệp hiện đại từ các nước phát triển trên thế giới (nhóm G7, G20,...), qua đó tạo ra một động lực đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế toàn diện, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 433-KH/TU ngày 28/02/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị.

Tính đến tháng 7 năm 2025, dân số của tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập) là 4.427.700 người; độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên khoảng 2,36 triệu người, thuận lợi cho việc phát triển nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh, hàng năm có khoảng từ 35 đến 40 ngàn người tốt nghiệp THPT. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 21 trường cao đẳng, trung cấp và phân hiệu (13 trường cao đẳng, 08 trường trung cấp), có 06 trường đại học và phân hiệu, hàng năm có quy mô và khả năng đào tạo từ 22 đến 27 ngàn người; căn cứ thực trạng, nhu cầu nguồn nhân lực, nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp trong Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2024-2026, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên hiện nay, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng đủ điều kiện để mở mã nghề đào tạo các ngành, nghề liên quan đến hàng không theo quy định của Cục hàng không Việt Nam. Đây là một trong những khó khăn thách thức đối với công tác đào tạo nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành đi vào hoạt động năm 2026, giai đoạn 2026-2030.

Mặt khác, tại điểm d khoản 1 Điều 15 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (**số 65/2025/QH15**), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

*“d) Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển các lĩnh vực tài chính, đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đất đai, tài nguyên, môi trường, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, **giáo dục**, y tế, hành chính tư pháp, nội vụ, lao động, xã hội, văn hóa, thông tin, du lịch, thể dục thể thao của địa phương theo quy định của pháp luật.”*

Tại điểm c khoản 1 Điều 21 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, quy định:

*“c) Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; **biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương**; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”*

Trên cơ sở những cơ hội, thách thức, mới và những định hướng đã được nêu ở trên cũng như thực trạng nguồn nhân lực, thẩm quyền ban hành chính sách có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, các điều kiện đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ của tỉnh Đồng Nai, phục vụ trong Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành khi đi vào vận hành năm 2026, đặc biệt là ưu tiên đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân bị thu hồi đất thuộc Dự án để phục vụ xây dựng Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành, đảm bảo về số lượng, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm tại Cảng.

Vì vậy, việc UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, là rất cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tại chỗ có nhiều cơ hội việc làm trong Cảng hàng không, góp phần trong việc đảm bảo chính sách an sinh xã hội và đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội Đảng đề ra trong giai đoạn 2026 – 2030 và các năm tiếp theo.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

- Tạo bước đột phá trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho hoạt động của Cảng hàng không quốc tế Long Thành, góp phần hình thành hệ sinh thái dịch vụ hàng không hiện đại, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026–2030.

- Đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các lĩnh vực vận hành, khai thác, kỹ thuật, dịch vụ hàng không, logistics, thương mại, du lịch, và các ngành nghề hỗ trợ liên quan đến hoạt động cảng hàng không.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và định hướng phát triển vùng kinh tế sân bay.

- Chính sách tạo điều kiện để học sinh - sinh viên, người lao động của tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là người dân bị thu hồi đất khu vực sân bay quốc tế Long Thành, đáp ứng cao nhất với các yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

a) Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

b) Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, cũng như khả năng cân đối ngân sách tỉnh. Đồng thời, phải đảm bảo hiệu quả của chính sách được thực hiện ổn định, lâu dài, không phát sinh thủ tục hành chính.

c) Phát huy tối đa về nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển; đầu tư phát triển cơ sở giáo dục, phát triển nhân lực về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề đào tạo gắn kết với chuyên ngành hàng không, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực tỉnh Đồng Nai theo nhu cầu vị trí việc làm phục vụ trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026 - 2030, phát huy có hiệu quả nguồn nhân lực qua đào tạo của tỉnh, đặc biệt là ưu tiên người dân có đất bị thu hồi thuộc Dự án.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trong quá trình xây dựng chính sách của Nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động, nghiêm túc thực hiện các bước theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Nghiên cứu, rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là các văn bản quy định (điều kiện, tiêu chuẩn, an ninh và an toàn,...) liên quan đến lĩnh vực hàng không.

2. Xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách: Báo cáo đã làm rõ sự cần thiết ban hành Nghị quyết, chính sách được đề xuất tác động kinh tế - xã hội và khả năng thực thi, góp phần cung cấp nguồn nhân lực lao động tại chỗ được đào tạo phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

3. Dự thảo hồ sơ Nghị quyết gửi các Sở, ngành, địa phương, các trường đại học, cao đẳng lấy ý kiến đóng góp tại văn bản số 264/SGDDT-GDNN ngày

18/7/2025 (lần 1) và văn bản số 1641/SGDDĐT-GDNN Ngày 15/9/2025 (lần 2) của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh ban hành Văn bản số 451/HĐND-VP ngày 27/10/2025 về việc thống nhất đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

5. Hoàn thiện hồ sơ xây dựng chính sách theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự thảo Nghị quyết và gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các xã, phường tại Văn bản số /SGDDĐT-GDNN ngày /10/2025; Văn bản số /SGDDĐT-GDNN ngày /10/2025; Lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam Văn bản số /SGDDĐT-GDNN ngày /10/2025.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội (*có Báo cáo tổng hợp kèm theo*) và hoàn thiện nội dung dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số /SGDDĐT-GDNN ngày... /.../2025.

Theo đó, Sở Tư pháp đã ban hành Báo cáo số.../STP-XDPBPL ngày.../.../2025 về thẩm định dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp, tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết (*có Bản tổng hợp kết quả thẩm định kèm theo*) theo đúng quy định trước khi trình UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành theo đúng quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Lĩnh vực đào tạo nhân lực phục vụ trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành, gồm các lĩnh vực: Lĩnh vực cảng hàng không; lĩnh vực quản lý bay; lĩnh vực vận tải hàng không; lĩnh vực cung cấp dịch vụ hàng không; lĩnh vực cảng vụ hàng không (*Đính kèm Phụ lục I: Danh mục mục ngành học trình độ cao đẳng, đại học*).

- Cơ sở đào tạo: Trường đại học, trường cao đẳng có ngành nghề đang đào tạo hoặc liên kết đào tạo liên quan đến chuyên ngành hàng không, cũng như đào tạo nhóm ngành nghề quy định thuộc các lĩnh vực nêu trên.

b) Đối tượng áp dụng

- Nhóm 1: Ưu tiên hộ gia đình có đất bị thu hồi, gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo và cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai), học sinh tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc dân tộc thiểu số (theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền), thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an đang thường trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nhóm 2: Công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết gồm 05 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh
2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Chính sách hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo

- a) Mức hỗ trợ học phí nhóm 1 và nhóm 2
- b) Hỗ trợ sinh hoạt phí
- c) Điều kiện thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo
- d) Phương án thực hiện

2. Chính sách hỗ trợ vốn vay và lãi suất cho vay đối với học sinh, sinh viên, người lao động thu hút vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành

- a) Đối tượng
- b) Mức vốn cho vay
- c) Lãi suất cho vay
- d) Phương án cho vay
- e) Các nội dung về hồ sơ vay vốn, quy trình, thủ tục cho vay và các nội dung khác

3. Chính sách thu hút học sinh, sinh viên, người lao động vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành

a) Học sinh, sinh viên, người lao động đi học trình độ cao đẳng hoặc đại học, sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh không vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Học sinh, sinh viên, người lao động đi học trình độ cao đẳng hoặc đại học sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh, vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

4. Xử lý bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Thời gian thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Chính sách hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo

a) Mức hỗ trợ học phí nhóm 1 và nhóm 2: Vận dụng thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể:

- Trình độ cao đẳng: Vận dụng thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 9 và Điều 27 (đối với giáo dục nghề nghiệp) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, *(đính kèm Phụ lục II: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí tối đa không quá 02 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của năm học 2026 - 2027).*

- Trình độ đại học: Vận dụng thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 10 và Điều 27 (đối với giáo dục đại học) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ *(đính kèm Phụ lục III: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí được xác định tối đa không quá 02 lần mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của năm học 2026 - 2027, tương ứng với từng khối ngành và từng năm học).*

b) Hỗ trợ sinh hoạt phí: Học sinh, sinh viên, người lao động thuộc đối tượng ưu tiên nhóm 1 được Nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng, căn cứ vận dụng thực

hiện chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Trường hợp đã được hỗ trợ học phí đào tạo và chi phí sinh hoạt từ các chương trình, dự án khác của Nhà nước thì không được hưởng chính sách này.

c) Điều kiện thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo: Các trường đại học, trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh, đạt kiểm định chất lượng đào tạo hoặc chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của Nhà nước và có hợp đồng cam kết đầu ra với doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

d) Phương án thực hiện: UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đặt hàng đào tạo thông qua hợp đồng theo quy định.

3.2. Chính sách hỗ trợ vốn vay và lãi suất cho vay đối với học sinh, sinh viên, người lao động thu hút vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành

a) Đối tượng: Học sinh, sinh viên, người lao động là đối tượng thuộc nhóm 1 hoặc nhóm 2 của Torrình này (không phải là đối tượng theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo tại khoản 1), đang theo học các ngành nghề đào tạo, trình độ đào tạo (theo nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp hàng không hoạt động trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành) tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Mức vốn cho vay: Vận dụng thực hiện chính sách cho vay theo Điều 7 Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học để hỗ trợ trang trải tiền học phí, tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian còn lại của khóa học, bao gồm:

- Toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường nếu có) theo xác nhận của nhà trường.
- Tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 05 triệu đồng/tháng.
- Căn cứ vào mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất với khách hàng vay vốn để xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể đối với từng người học.

c) Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay là 4,8%/năm.

d) Phương án cho vay: Nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh thực hiện theo quy định.

e) Các nội dung về hồ sơ vay vốn, quy trình, thủ tục cho vay và các nội dung khác: áp dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội đối với chương trình cho vay học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Chính sách thu hút học sinh, sinh viên, người lao động vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành

a) Học sinh, sinh viên, người lao động đi học trình độ cao đẳng hoặc đại học, sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh không vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Mức hỗ trợ học phí: Bằng với mức hỗ trợ học phí đặt hàng đào tạo tại điểm a khoản 1 Mục III Tờ trình này. Riêng đối tượng ưu tiên nhóm 1 còn được hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục III Tờ trình này.

- Điều kiện: Học sinh, sinh viên, người lao động sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học không quá 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp của cơ sở đào tạo và được các doanh nghiệp tuyển dụng (*có thời gian hợp đồng lao động từ 36 tháng trở lên kể từ ngày ký*) vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành, thì được Nhà nước hỗ trợ chính sách thanh toán 01 hoặc 02 đợt học phí đào tạo trực tiếp cho người học, thông qua tài khoản cá nhân sau khi cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ, thời gian thanh toán theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước được UBND tỉnh giao thực hiện chính sách.

- Phương án hỗ trợ: UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện hỗ trợ theo quy định.

b) Học sinh, sinh viên, người lao động đi học trình độ cao đẳng hoặc đại học sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh, vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Mức hỗ trợ học phí: Bằng với mức hỗ trợ học phí đặt hàng đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Riêng đối tượng ưu tiên nhóm 1 còn được hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và hỗ trợ lãi suất vay theo quy định từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Điều kiện: Học sinh, sinh viên, người lao động sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học không quá 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp của cơ sở đào tạo và được các doanh nghiệp tuyển dụng (*có thời gian hợp đồng lao động từ 36 tháng trở lên kể từ ngày ký*) vào làm

việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành thì được Nhà nước hỗ trợ thông qua ủy thác tại Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định.

- Phương án hỗ trợ: Ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện hỗ trợ theo quy định.

3.4. Xử lý bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

Vận dụng thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Trường hợp có thay đổi thì áp dụng quy định văn bản mới.

4. Các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 78/2025/ND-CP ngày 01/4/2025 và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

a) Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước.

- Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá triển giáo dục và đào tạo. Cụ thể:

Đổi mới phương thức đánh giá, công nhận tốt nghiệp có sự tham gia của doanh nghiệp đối với các chương trình chất lượng cao. Hỗ trợ, khuyến khích đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và thu hút doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào đào tạo nguồn nhân lực.

Thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân. Khuyến khích các địa phương sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình để hỗ trợ chủ động các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực phù hợp định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Căn cứ Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 278-KH/TU ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

Có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp từ khâu tuyển sinh, đào tạo đến sử dụng người học, liên kết thành lập các cơ sở thực hành tại các cơ sở giáo dục, gắn đào tạo với thực tế sản xuất, bền vững giữa 03 nhà (Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp), nâng cao chất lượng đào tạo nghề trọng điểm, nghề chất lượng cao liên quan đến ngành, nghề thuộc lĩnh vực hàng không.

b) Vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp.

Pháp luật chưa có chính sách đủ mạnh để huy động nguồn nhân lực có chất lượng cao từ doanh nghiệp, nghệ nhân, chuyên gia tham gia giảng dạy thực hành; cơ chế tài chính chưa tạo động lực đổi mới, việc phân bổ kinh phí chủ yếu theo chỉ tiêu kế hoạch, thiếu căn cứ vào hiệu quả hoạt động hoặc chất lượng đào tạo, chưa khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở; chưa khuyến khích mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng;

c) Vương mắc, bắt cập từ thực tiễn.

Chính sách về cơ chế tài chính hỗ trợ cho mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp còn thiếu linh hoạt, cản trở sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH.

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục gửi văn bản (lần 3) lấy ý kiến Sở, ngành, UBND các xã, phường, các trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp, vì cập nhật và điều chỉnh từ các cuộc họp do UBND tỉnh tổ chức và các văn bản góp ý của các đơn vị, đồng thời thực hiện văn bản mới do Trung ương ban hành, cụ thể:

- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Có hiệu lực thi hành ngày 03/9/2025.

- Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán. Có hiệu lực thi hành ngày 28/8/2025.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực

Nguồn nhân lực thực hiện: Đội ngũ cán bộ, công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo (trong đó Phòng Giáo dục nghề nghiệp được giao tham mưu thực hiện) công chức thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo làm việc tại UBND cấp xã. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo tại các trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp tuyển dụng lao động vào làm việc trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thực hành Nghị quyết

Việc triển khai thực hiện chính sách đảm bảo thực hiện dựa trên những điều kiện quy định pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo như: cơ sở vật chất, phòng học, thiết bị thực hành, chương trình đào tạo hoặc liên kết đào tạo với doanh nghiệp, đội ngũ giáo viên,... và thủ tục hành chính đã được ban hành.

3. Thời gian trình Nghị quyết ban hành

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, vào kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Đồng Nai kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(2) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Ban VHXXH-HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, THNC, KTNS,(.... Bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I
DANH MỤC NGÀNH HỌC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN NGÀNH HỌC
1	Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Kinh doanh, Marketing, Kinh tế quốc tế, Logistics. Thương mại.
2	Luật
3	Ngoài ngữ, Quan hệ quốc tế, Đông phương học
4	Quản trị nhân sự, quản trị nhân lực, Khoa học quản lý, Bảo hộ lao động, An toàn lao động, Bảo hiểm xã hội, Quản trị nhà hàng khách sạn, Quản trị nhà hàng, Dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Du lịch, Quản lý chất lượng, Quản lý hoạt động bay,
5	Toán học, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sinh học
6	Sư phạm, Đào tạo huấn luyện.
7	Truyền thông, Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo, An toàn thông tin, Thông tin – Thư viện, Văn thư lưu trữ
8	Cơ khí Tự động hoá, Điện, Điện tử, Viễn thông, Công nghệ thông tin, Điều hoà không khí, Công nghệ kỹ thuật điện tử, Cơ – nhiệt lạnh, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật ô tô, Giao thông, Môi trường
9	Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Quy hoạch, Cấp thoát nước, Kỹ thuật công nghệ môi trường, Vận hành máy thi công, Cơ giới hóa xây dựng, Sửa chữa thiết bị nặng, Công nghệ hàn, Thực phẩm, Công nghệ thực phẩm

PHỤ LỤC II: TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 9 và Điều 27 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (đối với giáo dục nghề nghiệp)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng.

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2026 - 2027 đến năm học 2030 - 2031		
		Năm học 2026 - 2027	Khoản 2 Điều 9	Mức học phí tối đa
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.600	02 lần	3.200
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.700	02 lần	3.400
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	2.400	02 lần	4.800
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	2.300	02 lần	4.600
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.650	02 lần	3.300
6	Sức khỏe	2.800	02 lần	5.600
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	2.000	02 lần	4.000
8	An ninh, quốc phòng	2.200	02 lần	4.400

Ghi chú: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí tối đa không quá 02 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của năm học 2026 - 2027./.

PHỤ LỤC III: TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 10 và Điều 27 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (đối với giáo dục đại học)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng.

TT	Tên ngành	Mã ngành	Năm học 2026 - 2027 đến năm học 2030 - 2031		
			Năm học 2026 - 2027	Khoản 2 Điều 10	Mức học phí tối đa
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	714	1.790	02 lần	3.580
2	Nghệ thuật	721	1.710	02 lần	3.420
3	Kinh doanh và quản lý, pháp luật	734, 738	1.790	02 lần	3.580
4	Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	742, 744	1.930	02 lần	3.680
5	Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	746, 748, 751, 752, 754, 758, 762, 764	2.090	02 lần	4.180
6	Sức khỏe	772			
6.1	Điều dưỡng - hộ sinh, dinh dưỡng, răng - hàm - mặt (nha khoa), kỹ thuật y học, y tế công cộng, quản lý y tế, khác	77203, 77204, 77205, 77206 77207, 77208, 77290	2.660	02 lần	5.320
6.2	Dược học, y học	77201, 77202	3.500	02 lần	7.000
7	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	722, 731, 732, 776, 781, 784, 785	1.910	02 lần	2.820
8	Lĩnh vực khác (ngành ghép, liên ngành)	790	Bằng mức trung bình cộng học phí của các ngành nêu trên có	02 lần	Theo thực tế sau khi tính trung bình

			trong ngành ghép, liên ngành		
--	--	--	---------------------------------	--	--

Ghi chú: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí được xác định tối đa không quá 02 lần mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của năm học 2026 - 2027, tương ứng với từng khối ngành và từng năm học./.